

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2019/HC-PT

Ngày: 30-5-2019.

“V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính về lĩnh vực quản lý đất đai”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Thanh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;
Ông Nguyễn Huyền Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Huy, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 378/2018/TLPT-HC ngày 05 tháng 11 năm 2018 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 71/2018/HC-ST ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5998/2019/QĐ-PT ngày 14 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Đội 1, làng 11, xã KT, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch UBND huyện NL, tỉnh Thanh Hóa và UBND huyện NL, tỉnh Thanh Hóa.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Công C - Phó Chủ tịch. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. UBND xã KT, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Chí K - Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Quách Văn P - Phó Chủ tịch. Có mặt.

2. Ông Phạm Văn H; địa chỉ: Đội 1, làng 11, xã KT, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Ông Phạm Văn T; địa chỉ: Đội 3, làng Kiên Minh, xã KT, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

4. Nông Trường Sông Âm (nay là Công ty TNHH nông nghiệp CNC Hồ Gươm - Sông Âm); địa chỉ: Liên cơ 3, xã NÂ, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Văn M - Giám đốc. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Đức Th - Trưởng phòng kinh tế kỹ thuật phụ trách địa chính. Có mặt.

5. Người kháng cáo: Người khởi kiện - anh Phạm Văn H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện bản tự khai và quá trình giải quyết tại Toà án, anh Phạm Văn H trình bày:

Nguồn gốc đất anh đang sử dụng như thế nào anh không biết. Anh chỉ biết năm 2006 bố anh là ông Phạm Văn H có cho anh một thửa đất mặt đường tuyến BS đi XT, XT, tại: Làng 11 xã KT, huyện NL. Cũng trong năm 2006 anh đã tiến hành làm nhà, san lấp mặt bằng, làm tường rào và làm một số công trình khác trên đất. Hàng năm anh thực hiện việc đóng thuế đầy đủ, năm 2013 anh H đã được UBND huyện NL cấp giấy chứng nhận QSD đất số BP 561762 ngày 17/9/2013 với diện tích: 359,3m².

Anh sử dụng liên tục đến khoảng giữa năm 2015 thì ông Phạm Văn T ở làng Kiên Minh, xã KT cho rằng đất anh H đang sử dụng có một phần đất của ông T do trước đây ông T đã được Nông Trường Sông Âm cấp. Vì vậy, ông T đã khiếu nại đến UBND xã và UBND huyện. UBND xã và UBND huyện đã mời anh và ông T đến để giải quyết tranh chấp đất đai.

Ngày 07/3/2017, UBND huyện NL đã ra Thông báo số 23/TB - UBND V/v thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với gia đình anh Phạm Văn H tại xã KT. Không đồng ý với nội dung của Thông báo này, anh H đã tiếp tục khiếu nại. Ngày 13/4/2017, UBND huyện NL đã có Quyết định số 957/QĐ-UBND với nội dung: Không chấp nhận nội dung khiếu nại của anh Phạm Văn H.

Anh không đồng ý với kết luận của UBND huyện NL bởi vì: Trong suốt thời gian anh sinh sống, làm nhà, san lấp mặt bằng ông T ở cách gia đình anh sống khoảng gần km không có ý kiến gì. Mãi tới khi năm 2015 mảnh đất trở nên bằng phẳng, sạch đẹp và có giá trị, thì ông T mới tranh chấp với anh. Do đó,

Quyết định của UBND huyện NL ban hành đã xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích của anh. Nên anh khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa yêu cầu giải quyết các nội dung sau:

1. Hủy bỏ Thông báo số 23/TB-UBND ngày 07/3/2017 của UBND huyện NL V/v thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh Phạm Văn H tại xã KT, huyện NL.

2. Hủy bỏ QĐ số 957/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của Chủ tịch UBND huyện NL về việc giải quyết khiếu nại của anh Phạm Văn H làng 11, xã KT, huyện NL.

Theo văn bản ý kiến người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện NL trình bày: Trên cơ sở tờ trình của UBND xã KT đề nghị UBND huyện thu hồi GCNQSD đất cấp không đúng quy định. Chủ tịch UBND huyện NL đã lập Đoàn thẩm tra xác minh việc cấp GCNQSD đất cho hộ anh Phạm Văn H tại làng 11, xã KT; căn cứ vào hồ sơ tài liệu liên quan và các quy định của pháp luật. UBND huyện NL đã ban hành Kết luận số 18/KL-UBND nêu rõ: Việc UBND huyện cấp GCNQSD đất cho anh Phạm Văn H là không đúng đối tượng sử dụng đất, nguồn gốc sử dụng đất bởi vì: Thửa đất số 341 có nguồn gốc của Nông trường Sông Âm (nay là Công ty TNHH một thành viên Sông Âm) đã giao cho hộ ông Phạm Văn H (bố anh H) và ông Phạm Văn T là cán bộ Nông trường trước khi về nghỉ chế độ, mỗi hộ được chiều rộng mặt đường 8m tuyến BS đi XT, tổng diện tích mỗi hộ là 400m².

Không đồng ý với Kết luận 18/KL-UBND, anh Phạm Văn H gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện. Theo quy định của Luật khiếu nại năm 2011 Chủ tịch UBND huyện đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 957/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 với nội dung:

Thửa đất 341 diện tích 359,3m², tờ bản đồ số 19, bản đồ địa chính xã KT, đo đạc năm 2006 do hộ anh Phạm Văn H đang sử dụng được UBND huyện NL cấp GCNQSD đất năm 2013 có nguồn gốc là đất Nông Trường Sông Âm (nay là Công ty TNHH một thành viên Sông Âm) giao cho hộ ông Phạm Văn H (bố anh H) và ông Phạm Văn Toán là cán bộ Nông Trường trước khi nghỉ chế độ để ở, mỗi hộ được giao một xuất có chiều rộng mặt đường 8m BS đi XT huyện XT, tổng diện tích đất của mỗi hộ là 400m². Đến năm 2006 khi tiến hành đo đạc bản đồ địa chính xã KT đã đo bao cả một phần diện tích đất của nhà ông T vào phần đất của anh H và đứng tên anh Phạm Văn H trên bản đồ địa chính năm 2006, thuộc thửa 341, tờ bản đồ số 19.

Trên cơ sở đơn đề nghị cấp GCNQSD đất của hộ anh Phạm Văn H, UBND xã KT đã lập hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận QSD đất, nhưng trong quá trình lập hồ sơ, do sơ suất UBND xã KT không kiểm tra hồ sơ bàn giao đất

của Nông Trường Sông Âm về cho xã quản lý mà chỉ kiểm tra trên bản đồ địa chính năm 2006 nên đã trình UBND huyện cấp GCNQSD đất cho anh H. Đến ngày 17/9/2013, UBND huyện đã cấp GCNQSD đất cho hộ anh Phạm Văn H, GCNQSD đất số BP 561762 diện tích 359,3m² tại thửa 341, tờ bản đồ số 19, bản đồ địa chính xã KT đo đạc năm 2006 có chiều rộng mặt đường tuyến BS đi XT huyện XT là 17,6m vào một phần diện tích đất của hộ ông Phạm Ngọc Toán đã được Nông trường Sông Âm giao cho sử dụng (có xác nhận của Công ty TNHH một thành viên Sông Âm ngày 11/9/2014 và Quyết định 3104/QĐ-UBND ngày 30/10/2006 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất của Nông trường Sông Âm giao cho UBND các xã thuộc huyện XT, huyện NL quản lý trong đó có 02 thửa đất của hộ ông T và ông H) là không đúng đối tượng sử dụng đất, nguồn gốc sử dụng đất, thuộc một trong các trường hợp phải thu hồi GCNQSD đất được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013. Vì vậy, Chủ tịch UBND huyện NL đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 957/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 về việc giải quyết khiếu nại của anh Phạm Văn H làng 11, xã KT, huyện NL là đúng pháp luật.

Hiện nay UBND huyện NL phối hợp UBND xã KT đã làm việc với Công ty TNHH một thành viên Sông Âm. Công ty đã đồng ý bàn giao diện tích đất cho UBND KT quản lý: Diện tích 577,8m² gồm thửa số 340 và một phần thửa số 338; cộng cả phần diện tích đã cấp giấy CNQSD đất đã cấp cho anh H là 359,3m² có tổng diện tích cả hai hộ 937,1m². Như vậy, UBND xã KT đã có đủ diện tích đất theo QĐ 3104/2006/QĐ-UBND ngày 30/10/2006 về việc thu hồi đất của Nông trường Sông Âm giao cho các xã thuộc huyện XT và NL quản lý theo quy định của pháp luật (trong đó có UBND xã KT, trong xã KT có hai hộ ông T và ông H với diện tích 800m²). Nhưng khi địa phương tiến hành bàn giao đất tại thực địa cho hai hộ, mỗi hộ 468,5m², chiều rộng mặt đường mỗi hộ là 08m, anh H không đồng ý nhận, ông T nhận và đồng ý bồi thường công tôn tạo đất cho anh H. Quan điểm của UBND huyện là mong muốn các bên thỏa thuận được với nhau. Còn nếu các bên không thỏa thuận được thì UBND huyện không chấp nhận nội dung khởi kiện của anh H và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo văn bản ý kiến và quá trình giải quyết tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của UBND xã KT trình bày:

Vào tháng 5/2013, UBND xã KT đã nhận được Đơn xin cấp GCNQSD đất của anh Phạm Văn H. UBND xã KT chỉ căn cứ vào Hồ sơ địa chính và sổ mục kê chứ không kiểm tra hồ sơ bàn giao đất của Nông Trường Sông Âm về cho xã quản lý để Cấp GCNQSD đất cho anh Phạm Văn H. Sau khi anh H được

cấp GCNQSD đất, vào năm 2015 ông Phạm Văn T đã có đơn lên UBND xã khiếu nại và ông T đã xuất trình xác nhận của Công ty TNHH một thành viên Sông Âm ngày 11/9/2014 và Quyết định 3104/QĐ-UBND ngày 30/10/2006 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất của Nông trường Sông Âm giao cho UBND các xã thuộc huyện XT, huyện NL quản lý trong đó có 02 thửa đất của hộ ông T và ông H.

Ngày 30/7/2015, UBND xã đã mời ông T, ông H và đại diện Nông Trường Sông Âm lên làm việc. Nông trường Sông Âm cũng đã xác nhận đã giao cho mỗi hộ là 400m², chiều rộng mỗi hộ là 8m mặt đường. Trên cơ sở làm việc với ông T, ông H, Nông Trường Sông Âm và các giấy tờ do ông T xuất trình. UBND xã KT đã làm tờ trình lên UBND huyện NL đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận QSD đất của gia đình anh H. Quan điểm của UBND xã là rất mong muốn các bên thỏa thuận, nhưng nếu không thỏa thuận được thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Theo văn bản ý kiến và quá trình giải quyết tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của Nông trường Sông Âm trình bày:

Ông T và ông H là cán bộ của Nông trường Sông Âm. Hai ông đã có đơn xin cấp đất ở, Nông trường Sông Âm đã đồng ý giao đất cho ông T và ông H. Đến năm 2004, Nông trường bàn giao thửa đất cho xã KT quản lý. Quan điểm của Nông trường Sông Âm là không chấp nhận nội dung khiếu nại của anh Phạm Văn H và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Quá trình giải quyết tại Tòa án ông Phạm Văn T trình bày:

Ông là cán bộ Nông trường Sông Âm (nay là Công ty TNHH MTV Sông Âm). Nông trường Sông Âm đã cấp cho ông một thửa đất diện tích 400m². Năm 2006 Nông trường bàn giao đất cho UBND xã KT theo QĐ số 3104/QĐ-UBND ngày 30/10/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa. Khi anh H được cấp giấy chứng nhận QSD đất ông hoàn toàn không biết. Đến năm 2015 ông mới biết và khiếu nại lên UBND xã, UBND huyện và UBND huyện đã ban hành Thông báo số 23/TB- UBND ngày 07/3/2017 của UBND huyện NL V/v thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại xã KT, NL cấp cho anh Phạm Văn H. Quan điểm của ông T không đồng ý nội dung khởi kiện của anh Phạm Văn H, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Ông Phạm Văn H và người đại diện theo ủy quyền ông Bùi Ngọc T trình bày:

Ông H là cán bộ Nông trường Sông Âm (nay là Công ty TNHH một thành viên Sông Âm). Tháng 12/2003 ông H được Nông trường Sông Âm giao cho một thửa đất tại thửa số 2, tờ bản đồ số 1 đội 11 của Nông trường Sông Âm.

Nông trường Sông Âm cũng giao đất cho ông Phạm Văn T - là công nhân đội 11 nhưng không rõ giao đất cho ông T ở đâu, diện tích bao nhiêu. Đối với diện tích đất nhà ông H được giao, cán bộ địa chính cùng giám đốc có nói diện tích đất là thửa ruộng sâu gần 400m². Đến năm 2006, ông H cho con trai là Phạm Văn H thửa đất trên với diện tích 359,3m² để ra ở riêng. Lúc này vẫn không có ai tranh chấp gì với ông H. Trong suốt quá trình sinh sống, anh H đã san lấp, đóng thuế, làm nhà để ở. Vào năm 2013, UBND huyện NL đã cấp giấy chứng nhận QSD đất cho anh Phạm Văn H.

Khoảng giữa năm 2014, ông Phạm Văn T đã tranh chấp đất với con trai ông H. Việc Nông trường Sông Âm giao đất cho ông H và ông T là có thật.

Nhưng thực tế Nông trường Sông Âm cũng không ghi rõ việc bàn giao đất cho hai hộ như thế nào. Kể từ khi được giao đất đến năm 2014 ông T không quan tâm, không để ý gì đến miếng đất. Mãi tới khi năm 2015 mảnh đất trở nên bằng phẳng, sạch đẹp và có giá trị, thì ông T mới tranh chấp với anh H.

Vì vậy, anh H khởi kiện ra Tòa án. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để xem xét giải quyết vụ án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 71/2018/HC-ST ngày 26/7/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã áp dụng khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116; Điều 157; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; khoản 1 Điều 206; điểm h khoản 1 Điều 143 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết về thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 18; Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011; khoản 3 Điều 345 Luật Tổ tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Bác đơn khởi kiện của anh Phạm Văn H về yêu cầu hủy Thông báo số 23/TB-UBND ngày 07/3/2017 của UBND huyện NL V/v: Thu hồi và yêu cầu hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Phạm Văn H tại xã KT, huyện NL và yêu cầu hủy QĐ số 957/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của Chủ tịch UBND huyện NL về việc giải quyết khiếu nại của anh Phạm Văn H, làng 11, xã KT, huyện NL.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/8/2018, người khởi kiện là anh Phạm Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện, đại diện người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Đại diện UBND xã KT, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa, đại diện Nông Trường Sông Âm (nay là Công ty TNHH nông nghiệp CNC Hồ Gươm - Sông Âm) và ông Phạm Văn T giữ nguyên lời khai như đã trình bày tại Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Kháng cáo của anh Phạm Văn H không có căn cứ; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính bác kháng cáo của anh Phạm Văn H và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính: Thông báo số 23/TB-UBND ngày 07/3/2017 của UBND huyện NL V/v thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại xã KT và QĐ số 957/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của Chủ tịch UBND huyện NL về việc giải quyết khiếu nại của anh Phạm Văn H làng 11, xã KT, huyện NL đều là Quyết định hành chính của cơ quan và người có thẩm quyền về quản lý đất đai, tác động trực tiếp đến quyền lợi của anh Phạm Văn H. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính .

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Các quyết định nêu trên được khởi kiện trong thời hạn 01 năm kể từ ngày nhận được, biết được Quyết định và sau 01 năm kể từ ngày có QĐGQKN nên được xem xét theo điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính .

[3] Xét kháng cáo của anh H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về nguồn gốc đất: Thửa đất 341 diện tích 359,3m², tờ bản đồ số 19, bản đồ địa chính xã KT, đo đạc năm 2006 do hộ anh Phạm Văn H đang sử dụng được UBND huyện NL, tỉnh Thanh Hóa cấp GCNQSD đất năm 2013 có nguồn gốc là đất Nông Trường Sông Âm (nay là Công ty TNHH một thành viên Sông Âm). Theo xác nhận ngày 11/9/2014 của Công ty TNHH một thành viên Sông Âm: Năm 2004 Nông Trường Sông Âm (nay là Công ty TNHH một thành viên Sông Âm) giao đất ở cho hộ ông Phạm Văn H (bố anh H) và ông Phạm Văn T là cán bộ Nông Trường trước khi nghỉ chế độ. Mỗi hộ được giao một xuất đất có diện tích 400m², có chiều rộng 08m bám mặt đường từ BS đi XT, huyện XT, thuộc thửa 32 bản đồ Nông trường Sông Âm trích đo năm 2005, hai thửa đất này liền kề nhau.

+ Đất hộ ông H có tứ cận: Hướng Đông giáp hộ ông Dần, hướng Bắc giáp đất nông trường, hướng Tây giáp đất ông T.

+ Đất hộ ông T có tứ cận: Hướng Đông giáp đất ông H, hướng Bắc giáp đất nông trường, hướng Tây giáp đất bà Vui.

[3.2] Thực hiện Quyết định số 3104/2006/QĐ-UBND ngày 30/10/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa. Nông trường Sông Âm đã bàn giao toàn bộ diện tích đất cho các xã thuộc huyện NL và XT. Đất của hộ ông H và ông T được Nông trường giao về cho UBND xã KT, huyện NL quản lý. Việc Nông trường đề nghị UBND huyện NL giao đất cho 02 hộ ông H và ông T được thể hiện tại “Trích biên bản cuộc họp hội đồng tư vấn đất đai” ngày 09/02/2003; 02 hộ được cấp đất ở cùng vị trí thửa số 02, tờ bản đồ giải thửa số 01 đội 11, Nông trường Sông Âm (BL 29). Ngoài ra khi Nông trường bàn giao đất cho UBND xã KT, chi tiết các thửa đất bàn giao cho địa phương tháng 8/2006 có tên ông Phạm Văn H có số thứ tự 157, số thửa 32b; tên ông Phạm Văn T có số thứ tự 158, số thửa 32c (BL 56).

[3.3] Khi giải quyết khiếu nại của anh H, UBND huyện NL thành lập đoàn thẩm tra xác minh việc cấp GCNQSD đất cho anh H. Đoàn đã làm việc với ông Đỗ Ngọc Hòa nguyên đội trưởng đội 11, Nông trường Sông Âm. Ông Hòa xác nhận khi giao đất cho hộ ông H, ông T năm 2005 có ông và ông Bùi Đức Thủy cán bộ địa chính của Nông trường cắm mốc và bàn giao thực địa khu đất trên cho 02 hộ theo đúng kích thước, diện tích và các cạnh tiếp giáp như xác nhận của Nông trường. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc Nông trường giao đất cho hộ ông H và ông T cạnh nhau là đúng.

[3.4] Về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện NL cho anh Phạm Văn H: Năm 2006, khi tiến hành đo đạc bản đồ địa chính xã KT đã đo bao cả một phần diện tích đất của nhà ông T vào phần đất của anh H và đứng tên Phạm Văn H. Trên cơ sở đơn đề nghị cấp GCNQSD đất của hộ anh Phạm Văn H, UBND xã KT đã lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, quá trình lập hồ sơ UBND xã KT đã không kiểm tra hồ sơ bàn giao đất của Nông Trường Sông Âm về cho UBND xã KT quản lý, chỉ kiểm tra trên bản đồ địa chính năm 2006 và trình UBND huyện NL cấp GCNQSD đất cho anh H. Xét Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 561762 UBND huyện đã cấp cho anh H ngày 17/9/2013 có diện tích 359,3m² tại thửa 341, tờ bản đồ số 19, bản đồ địa chính xã KT đo đạc năm 2006 có chiều rộng mặt đường tuyến BS đi XT huyện XT là 17,6m thì thấy: Diện tích còn thiếu so với diện tích Nông trường Sông Âm đã xét cấp cho hộ gia đình ông H (400m²); mặt đường rộng hơn so với kích thước mà Nông trường Sông Âm đã xét cấp (08m), chồng lấn vào một phần diện tích đất của hộ ông Phạm Văn T đã được Nông trường Sông Âm giao cho sử dụng. Do đó, việc UBND huyện NL ra Thông báo số 23/TB-UBND ngày

07/3/2017 V/v: Thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Phạm Văn H tại xã KT, huyện NL do không đúng đối tượng sử dụng đất, nguồn gốc sử dụng đất, thuộc một trong các trường hợp phải thu hồi GCNQSD đất và QĐ số 957/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của Chủ tịch UBND huyện NL về việc giải quyết khiếu nại của anh Phạm Văn H làng 11, xã KT, huyện NL là phù hợp với quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013. Thông báo số 23/TB-UBND ngày 07/3/2017 của UBND huyện NL V/v thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại xã KT và QĐ số 957/QĐ- UBND ngày 13/4/2017 của Chủ tịch UBND huyện NL về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn H làng 11, xã KT, huyện NL được ban hành đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền và đúng đối tượng; nội dung giải quyết chính xác, đúng quy định của Luật đất đai năm 2013.

[4] Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ kiện, phát hiện diện tích đất cấp cho hộ ông H và ông T còn thiếu một phần diện tích mà Nông trường Sông Âm chưa bàn giao đủ. UBND huyện NL phối hợp UBND xã KT đã làm việc với Công ty TNHH một thành viên Sông Âm. Công ty đã đồng ý bàn giao diện tích đất còn thiếu cho UBND xã KT quản lý: Tổng diện tích 577,8m² gồm thửa số 340 và một phần thửa số 338. Cộng cả phần diện tích đã cấp giấy CNQSD đất đã cấp cho anh H là 359,3m². Tổng diện tích cả hai hộ 937,1m². Như vậy, UBND xã KT đã có đủ diện tích đất theo Quyết định số 3104/2006/QĐ-UBND ngày 30/10/2006 về việc thu hồi đất của Nông trường Sông Âm giao cho các xã thuộc huyện XT và NL quản lý theo quy định của pháp luật và có đủ diện tích để cấp cho hai hộ ông H và hộ ông T theo chủ trương giao đất ở cho hai hộ của Nông trường.

[5] Với các phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn H là có căn cứ, chính xác, đúng pháp luật. Kháng cáo của anh H không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do anh Phạm Văn H thuộc đối tượng hộ nghèo, cận nghèo nên được miễn tiền án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Văn H. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 71/2018/HC-ST ngày 26/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa như sau:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116; Điều 157; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; khoản 1 Điều 206; điểm h khoản 1 Điều 143 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết về thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 18; Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011; khoản 3 Điều 345 Luật Tổ tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1- Bác đơn khởi kiện của anh Phạm Văn H về yêu cầu hủy Thông báo số 23/TB-UBND ngày 07/3/2017 của UBND huyện NL V/v: Thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Phạm Văn H tại xã KT, huyện NL và yêu cầu hủy QĐ số 957/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của Chủ tịch UBND huyện NL về việc giải quyết khiếu nại của anh Phạm Văn H, làng 11, xã KT, huyện NL.

2- Về án phí: Miễn án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm cho anh Phạm Văn H. Trả lại anh H số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số AA/2016/0003897 ngày 12/5/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, TPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Hải Thanh